

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2025
của Thống kê thành phố Cần Thơ

TRƯỞNG THỐNG KÊ THỐNG KÊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-CTK ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

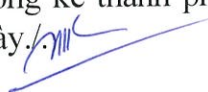
Căn cứ Quyết định số 1233/QĐ-TCTK ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc giao Kế hoạch công tác và điểm thi đua năm 2025 đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Công văn số 598/CTK-TCCB ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thống kê về việc điều chỉnh kế hoạch công tác và điểm thi đua năm 2025 đối với Chi cục Thống kê cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2025 của Thống kê thành phố Cần Thơ” gồm các ấn phẩm, chỉ tiêu thống kê công bố định kỳ tháng, quý, năm và các sản phẩm không thường xuyên do các phòng thuộc cơ quan Thống kê biên soạn, phổ biến trong năm 2025.

Điều 2. Căn cứ Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2025, các phòng thuộc cơ quan Thống kê thành phố tổ chức thực hiện nghiêm túc việc biên soạn, phổ biến các thông tin thống kê thuộc lĩnh vực phụ trách, đảm bảo phổ biến theo đúng thời gian quy định; Phòng Thống kê Tổng hợp có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2025 của Thống kê thành phố, định kỳ hằng quý báo cáo Ban Lãnh đạo tình hình thực hiện Lịch phổ biến.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp, Thủ trưởng các phòng thuộc cơ quan Thống kê thành phố và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban TKĐN, CTK;
- BLĐ Thống kê TP (để biết);
- Các Phòng thuộc cơ quan Thống kê TP;
- Website Thống kê TP (để công khai);
- Lưu: VT, TKTH.



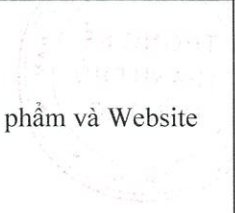


Cần Thơ, ngày 31 tháng 7 năm 2025

LỊCH PHỔ BIẾN THÔNG TIN THỐNG KÊ NĂM 2025 CỦA THỐNG KÊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 57/QĐ-TKT ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống kê thành phố Cần Thơ)

Số TT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh của thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
A	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG				
I	Ấn phẩm				
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng năm 2025	Ước tính	02/8/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 8 và 8 tháng năm 2025	Ước tính	02/9/2025		
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2025	Ước tính	02/11/2025		
	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2025	Ước tính	02/12/2025		
II	Chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh				
1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025		
	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025		
	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025		
	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025		
2	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tháng 7/2025	Thực hiện đến ngày 25/8/2025	02/8/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tháng 8/2025	Thực hiện đến ngày 25/8/2025	02/9/2025		
	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tháng 9/2025	Thực hiện đến ngày 25/9/2025	02/10/2025		
	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tháng 10/2025	Thực hiện đến ngày 25/10/2025	02/11/2025		
	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tháng 11/2025	Thực hiện đến ngày 25/11/2025	02/12/2025		
3	Chi ngân sách địa phương tháng 7/2025	Thực hiện đến ngày 25/8/2025	02/8/2025		

Số TT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh của thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Chi ngân sách địa phương tháng 8/2025	Thực hiện đến ngày 25/8/2025	02/9/2025	 Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	Chi ngân sách địa phương tháng 9/2025	Thực hiện đến ngày 25/9/2025	02/10/2025		
	Chi ngân sách địa phương tháng 10/2025	Thực hiện đến ngày 25/10/2025	02/11/2025		
	Chi ngân sách địa phương tháng 11/2025	Thực hiện đến ngày 25/11/2025	02/12/2025		
4	Tiến độ sản xuất nông nghiệp tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Tiến độ sản xuất nông nghiệp tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025		
	Tiến độ sản xuất nông nghiệp tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025		
	Tiến độ sản xuất nông nghiệp tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025		
	Tiến độ sản xuất nông nghiệp tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025		
5	Số lượng gia súc, gia cầm ước tính tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số lượng gia súc, gia cầm ước tính tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025		
	Số lượng gia súc, gia cầm ước tính tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025		
	Số lượng gia súc, gia cầm ước tính tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025		
	Số lượng gia súc, gia cầm ước tính tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025		
6	Sản lượng thủy sản 7 tháng năm 2025	Ước tính	02/8/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Sản lượng thủy sản 8 tháng năm 2025	Ước tính	02/9/2025		
	Sản lượng thủy sản 10 tháng năm 2025	Ước tính	02/11/2025		
7	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025		
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025		

Số TT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh của thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
8	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025		
	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025		
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025		
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025		
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025		
	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025		
	Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp thời điểm tháng 01/7/2025	Ước tính	02/8/2025		
	Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp thời điểm tháng 01/8/2025	Ước tính	02/9/2025		
9	Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp thời điểm tháng 01/9/2025	Ước tính	02/10/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
	Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp thời điểm tháng 01/10/2025	Ước tính	02/11/2025		
	Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp thời điểm tháng 01/11/2025	Ước tính	02/12/2025		
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025		
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025		
10	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025		
	Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025		
	Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025		
	Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025		
11	Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá



Số TT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh của thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
12	Doanh thu dịch vụ khác tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025		
	Doanh thu dịch vụ khác tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025		
	Doanh thu dịch vụ khác tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025		
	Doanh thu dịch vụ khác tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025		
	Doanh thu dịch vụ khác tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025		
13	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và đô la Mỹ tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và đô la Mỹ tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025		
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và đô la Mỹ tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025		
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và đô la Mỹ tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025		
	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và đô la Mỹ tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025		
14	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025		
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025		
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025		
	Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025		
15	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025		
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025		
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025		
	Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025		
16	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025		
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 8/2025	Ước tính	02/9/2025		

Số TT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh của thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 9/2025	Ước tính	02/10/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025		
	Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025		
17	Số vụ TNGT, số người chết, bị thương do TNGT tháng 7/2025	Sơ bộ	02/8/2025		
	Số vụ TNGT, số người chết, bị thương do TNGT tháng 8/2025	Sơ bộ	02/9/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ TNGT, số người chết, bị thương do TNGT tháng 9/2025	Sơ bộ	02/10/2025		
	Số vụ TNGT, số người chết, bị thương do TNGT tháng 10/2025	Sơ bộ	02/11/2025		
	Số vụ TNGT, số người chết, bị thương do TNGT tháng 11/2025	Sơ bộ	02/12/2025		
18	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 7/2025	Sơ bộ	02/8/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 8/2025	Sơ bộ	02/9/2025		
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 9/2025	Sơ bộ	02/10/2025		
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 10/2025	Sơ bộ	02/11/2025		
	Số vụ cháy, nổ và mức độ thiệt hại tháng 11/2025	Sơ bộ	02/12/2025		
B	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG QUÝ				
I	Ấn phẩm				
1	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Văn bản điện tử, Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2	Sản lượng thủy sản quý III và 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
3	Chỉ số tiêu thụ và tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý III/2025	Ước tính	02/10/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
4	Xu hướng sản xuất kinh doanh ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý III/2025 và dự báo quý IV/2025	Ước tính	02/10/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
II	Chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh				
1	Lực lượng lao động quý III và 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
2	Số lao động đang làm việc quý III và 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội

VIỆT NAM
KÊ HỒ Ơ

Số TT	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh của thông tin	Thời gian phổ biến (*)	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
3	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo quý III và 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
4	Vốn đầu tư toàn xã hội quý III và 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
5	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu quý III và 9 tháng năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
6	Diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm				
	- Vụ đông xuân	Chính thức	02/9/2025		
		Ước tính	02/10/2025		
	- Vụ mùa	Sơ bộ	02/12/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội
		Chính thức	02/02/2025		
	Sản lượng gỗ khai thác quý III và 9 tháng năm 2024	Ước tính	02/10/2025		
C	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM				
I	Chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh				
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2025				
	- Tốc độ tăng theo nhóm ngành kinh tế	Ước tính	01/12/2025	Ấn phẩm và Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
	- Quy mô, cơ cấu kinh tế theo nhóm ngành kinh tế	Ước tính			
D	CÔNG BỐ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	Khi có phát sinh			

(*) Nếu các mốc thời gian phổ biến trùng vào các ngày nghỉ theo quy định của Nhà nước, thời hạn phổ biến sẽ chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

Thông tin liên hệ:

Phòng Thống kê Tổng hợp, Thống kê thành phố Cần Thơ.
Địa chỉ: Số 8A đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.
Điện thoại: 02923 830 124.

THỐNG KÊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ